|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TỈNH QUẢNG NAM**  ĐỀ CHÍNH THỨC    (*Đề gồm có 03 trang*) | **KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 12**  Thời gian: **45 phút** *(không kể thời gian giao đề)*     |  | | --- | | **MÃ ĐỀ 701** | |

*Họ, tên học sinh:............................................................... Lớp: .................... SBD: ........................*

**Câu 1:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào có lượng mưa trung bình tháng VIII cao nhất trong các địa điểm sau đây?

**A.** Sa Pa. **B.** Hà Nội. **C.** Lạng Sơn. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 2:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp Biển Đông?

**A.** Tuyên Quang. **B.** Quảng Ninh. **C.** Yên Bái. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 3:** Biện pháp mở rộng rừng đặc dụng ở nước ta là

**A.** tăng khai thác rừng. **B.** tăng vườn quốc gia.

**C.** trồng rừng ven biển. **D.** trồng rừng hàng năm.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đảo nào sau đây thuộc Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

**A.** Hòn Mê. **B.** Biện Sơn. **C.** Cái Bầu. **D.** Hòn Mắt.

**Câu 5:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết nơi nào sau đây có vườn quốc gia trên đảo?

**A.** Bù Gia Mập. **B.** Phú Quốc. **C.** Cát Tiên. **D.** Núi Chúa.

**Câu 6:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết địa điểm nào sau đây nằm ở phía bắc cửa Trà Lí?

**A.** Cửa Lạch Giang. **B.** Cửa Lạch Trường.

**C.** Cửa Thái Bình. **D.** Cửa Lạch Trào.

**Câu 7:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp Trung Quốc?

**A.** Yên Bái. **B.** Tuyên Quang. **C.** Cao Bằng. **D.** Bắc Kạn.

**Câu 8:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trạm thủy văn Củng Sơn ở lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

**A.** Sông Mã. **B.** Sông Thái Bình. **C.** Sông Cả. **D.** Sông Ba.

**Câu 9:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có sét, cao lanh?

**A.** Thạch Khê. **B.** Lệ Thủy. **C.** Phú Vang. **D.** Quỳ Châu.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Tây Bắc Bộ?

**A.** Điện Biên Phủ. **B.** Hà Nội. **C.** Nha Trang. **D.** Sa Pa.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

**A.** Pha Luông. **B.** Tam Đảo. **C.** Phu Luông. **D.** Phanxipăng.

**Câu 12:** Cải tạo đất hoang, đồi núi trọc ở vùng đồi núi nước ta bằng các biện pháp

**A.** nông - lâm kết hợp. **B.** trồng rừng ngập mặn.

**C.** chống nhiễm phèn. **D.** bón phân hoá học.

**Câu 13:** Gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng tây bắc - đông nam là đặc điểm địa hình của vùng núi nào sau đây?

**A.** Đông Bắc. **B.** Tây Bắc.

**C.** Trường Sơn Bắc. **D.** Trường Sơn Nam.

**Câu 14:** Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu nên có

**A.** nhiều loài ôn đới. **B.** hình thể kéo dài.

**C.** tổng lượng mưa lớn. **D.** số giờ nắng nhiều.

**Câu 15:** Đồng bằng ven biển miền Trung nước ta có đặc điểm là

**A.** bờ biển thấp, phẳng. **B.** thềm lục địa mở rộng.

**C.** khá thấp và bằng phẳng. **D.** đồi núi lan ra sát biển.

**Câu 16:** Biểu hiện tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa củaBiển Đông là

**A.** lạnh ẩm quanh năm. **B.** cónhiều dòng biển.

**C.** nền nhiệt ẩm cao. **D.** độ mặn không lớn.

**Câu 17:** Vị trí địa lí của nước ta

**A.** phần lớn nằm ở bán cầu Tây. **B.** tiếp giáp với hai đại dương lớn.

**C.** ở trung tâm lục địa Á – Âu. **D.** ở đông nam khu vực châu Á.

**Câu 18:** Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

**A.** hoạt động của bão. **B.** có nhiều đồi núi.

**C.** lãnh thổ kéo dài. **D.** khí hậu phân mùa.

**Câu 19:** Mùa khô ở phần lãnh thổ phía Nam nước ta là do tác động của loại gió nào sau đây?

**A.** Gió phơn Tây Nam. **B.** Gió mùa Tây Nam.

**C.** Tín phong bán cầu Bắc. **D.** Gió mùa Đông Bắc.

**Câu 20:** Cảnh quan thiên nhiên chiếm ưu thế ở vùng đồi núi thấp của nước ta là

**A.** rừng nhiệt đới gió mùa. **B.** rừng ôn đới gió mùa.

**C.** rừng cận nhiệt đới khô. **D.** rừng nhiệt đới khô hạn.

**Câu 21:** Loại thiên tai nào sau đây làm thu hẹp diện tích trồng trọt ở đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

**A.** Lũ quét. **B.** Bão.

**C.** Cát bay, cát chảy. **D.** Động đất.

**Câu 22:** Đặc điểm thời tiết, khí hậu do gió mùa Tây Nam gây ra ở Nam Bộ là

**A.** mưa nhiều. **B.** khô, nóng. **C.** lạnh, khô. **D.** lạnh, ẩm.

**Câu 23:** Phần lãnh thổ phía Bắc, số tháng lạnh giảm dần theo chiều Bắc - Nam là do gió mùa Đông Bắc suy yếu kết hợp với

**A.** thềm lục địa thu hẹp. **B.** lãnh thổ hẹp ngang.

**C.** địa hình thấp dần. **D.** bức chắn địa hình.

**Câu 24:** Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính gây ra kiểu thời tiết mưa phùn ở đồng bằng Bắc Bộ nước ta?

**A.** gió mùa Tây Nam. **B.** gió mùa mùa hạ.

**C.** gió mùa Đông Bắc. **D.** Tín phong Đông Bắc.

**Câu 25:** Nhóm đất chủ yếu của đai ôn đới gió mùa trên núi ở nước ta là

**A.** đấtmùn thô. **B.** đất feralit. **C.** đấtphù sa cổ. **D.** đất phù sa.

**Câu 26:** Ở nước ta, độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở phần lãnh thổ phía Nam cao hơn phần lãnh thổ phía Bắc chủ yếu là do

**A.** ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam. **B.** có nhiệt độ nóng quanh năm.

**C.** Tín phong hoạt động mạnh hơn. **D.** miền Nam giáp biển nhiều hơn.

**Câu 27:** Địa hình phổ biến ở vùng núi đá vôi nước ta là

**A.** cacxtơ. **B.** đồng bằng. **C.** khe rãnh. **D.** hố trũng.

**Câu 28:** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ và lượng mưa theo tháng của trạm Cần Thơ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| Nhiệt độ  (0 C) | 25,4 | 26,1 | 27,3 | 28,5 | 28,0 | 27,3 | 26,9 | 26,8 | 26,8 | 26,9 | 26,9 | 25,7 |
| Lượng mưa  (mm) | 10,0 | 3,8 | 15,4 | 41,8 | 181,0 | 209,7 | 236,0 | 237,9 | 251,4 | 300,9 | 137,1 | 41,5 |

Theo bảng số liệu trên, thì tổng lượng mưa trong năm và nhiệt độ trung bình năm của trạm Cần Thơ lần lượt là

**A.** 1666,5 mm và 25,7 0C. **B.** 1666,5 mm và 27,9 0 C.

**C.** 1666,5 mm và 27,3 0 C. **D.** 1666,5 mm và 26,9 0 C.

**Câu 29:** Mùa mưa ở Bắc Bộ thường sớm hơn Trung Bộ, chủ yếu do hoạt động của

**A.** Tín phong Đông Bắc. **B.** dải hội tụ nhiệt đới.

**C.** gió mùa mùa đông. **D.** gió phơn Tây Nam.

**Câu 30:** Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa trung bình tháng (mm) của trạm Đà Nẵng và Cần Thơ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| Đà Nẵng | 81,9 | 23,6 | 25,0 | 35,3 | 81,1 | 82,6 | 92,5 | 141,2 | 350,7 | 628,0 | 448,2 | 218,4 |
| Cần Thơ | 10,0 | 3,8 | 15,4 | 41,8 | 181,0 | 209,7 | 236,0 | 237,9 | 251,4 | 300,9 | 137,1 | 41,5 |

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh chế độ mưa giữa trạm Cần Thơ với trạm Đà Nẵng?

**A.** Thời gian mùa mưa ở Cần Thơ ngắn hơn Đà Nẵng.

**B.** Lượng mưa trung bình năm của Cần Thơ lớn hơn Đà Nẵng.

**C.** Thời gian mùa mưa ở Cần Thơ trùng với Đà Nẵng.

**D.** Mùa mưa ở Cần Thơ kết thúc sớm hơn Đà Nẵng.

----------- HẾT ----------

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **A** | **B** | **B** | **C** | **B** | **C** | **C** | **D** | **B** | **A** | **B** | **A** | **C** | **D** | **D** |
| **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
| **C** | **D** | **D** | **C** | **A** | **C** | **A** | **D** | **C** | **A** | **B** | **A** | **D** | **B** | **D** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TỈNH QUẢNG NAM**  ĐỀ CHÍNH THỨC    (*Đề gồm có 03 trang*) | **KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 12**  Thời gian: **45 phút** *(không kể thời gian giao đề)*     |  | | --- | | **MÃ ĐỀ 702** | |

*Họ, tên học sinh:............................................................... Lớp: .................... SBD: ........................*

**Câu 1:** Mục đích của việc trồng rừng trên đất dốc ở vùng núi nước ta là

**A.** ngăn triều cường. **B.** chống xói mòn đất.

**C.** phòng động đất. **D.** ngăn cát bay, cát chảy.

**Câu 2:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trạm thủy văn Mỹ Thuận ở lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

**A.** Sông Mê Công. **B.** Sông Ba. **C.** Sông Thu Bồn. **D.** Sông Đồng Nai.

**Câu 3:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

**A.** Pu Tha Ca. **B.** Tam Đảo. **C.** Phanxipăng. **D.** Kiều Liêu Ti.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đảo nào sau đây thuộc Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

**A.** Hòn Mắt. **B.** Bạch Long Vĩ. **C.** Cái Bầu. **D.** Cát Bà.

**Câu 5:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Đông Bắc Bộ?

**A.** Cần Thơ. **B.** Sa Pa. **C.** Đồng Hới. **D.** Nha Trang.

**Câu 6:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết nơi nào sau đây có vườn quốc gia trên đảo?

**A.** Cúc Phương. **B.** Cát Bà. **C.** Ba Vì. **D.** Xuân Sơn.

**Câu 7:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địạ điểm nào có lượng mưa trung bình tháng X cao nhất trong các địa điểm sau đây?

**A.** Thanh Hóa. **B.** Hà Nội. **C.** Điện Biên Phủ. **D.** Đồng Hới.

**Câu 8:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có đá quý?

**A.** Kim Bôi. **B.** Cổ Định. **C.** Quỳ Châu. **D.** Lạc Thủy.

**Câu 9:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp với Trung Quốc?

**A.** Tuyên Quang. **B.** Yên Bái. **C.** Bắc Kạn. **D.** Lào Cai.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp Biển Đông?

**A.** Bắc Ninh. **B.** Bắc Giang. **C.** Thái Bình. **D.** Hưng Yên.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết địa điểm nào sau đây nằm ở phía nam cửa Việt?

**A.** Cửa Tùng. **B.** Cửa Gianh. **C.** Cửa Tư Hiền. **D.** Cửa Nhật Lệ.

**Câu 12:** Biện pháp mở rộng rừng phòng hộ ở nước ta là

**A.** đóng cửa rừng. **B.** tăng vườn quốc gia.

**C.** hạn chế khai thác. **D.** trồng rừng đầu nguồn.

**Câu 13:** Vị trí địa lí của nước ta

**A.** nằm ở bán cầu Nam. **B.** nằm ở bán cầu Đông.

**C.** giáp với Ấn Độ Dương. **D.** ở vùng ngoại chí tuyến.

**Câu 14:** Loại thiên tai gây ra hậu quả nặng nề nhất cho khu vực đồng bằng ven biển nước ta là

**A.** triều cường. **B.** bão. **C.** sạt lở. **D.** sóng thần.

**Câu 15:** Sông ngòi nước ta có tổng lượng cát bùn lớn, chủ yếu là do

**A.** mạng lưới sông dày đặc. **B.** lượng mưa phân bố đều.

**C.** sông ngòi ngắn và dốc. **D.** xâm thực mạnh ở vùng núi.

**Câu 16:** Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu nên có

**A.** tổng bức xạ lớn. **B.** nhiều khoáng sản.

**C.** sông ngòi dày đặc. **D.** địa hình đa dạng.

**Câu 17:** Đồng bằng ven biển miền Trung nước ta có

**A.** hệ thống đê bao bọc. **B.** diện tích đất cát lớn.

**C.** nhiều đồng bằng lớn. **D.** địa hình bằng phẳng.

**Câu 18:** Biểu hiện tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa củaBiển Đông là

**A.** cónhiều dòng biển. **B.** lạnh ẩm quanh năm.

**C.** nền nhiệt ẩm cao. **D.** độ mặn không lớn.

**Câu 19:** Có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta là đặc điểm địa hình của vùng núi nào sau đây?

**A.** Tây Bắc. **B.** Trường Sơn Bắc.

**C.** Đông Bắc. **D.** Trường Sơn Nam.

**Câu 20:** Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa trung bình tháng (mm) của trạm Đà Nẵng và Cần Thơ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| Đà Nẵng | 81,9 | 23,6 | 25,0 | 35,3 | 81,1 | 82,6 | 92,5 | 141,2 | 350,7 | 628,0 | 448,2 | 218,4 |
| Cần Thơ | 10,0 | 3,8 | 15,4 | 41,8 | 181,0 | 209,7 | 236,0 | 237,9 | 251,4 | 300,9 | 137,1 | 41,5 |

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh chế độ mưa giữa trạm Cần Thơ với trạm Đà Nẵng?

**A.** Thời gian mùa mưa ở Cần Thơ ngắn hơn Đà Nẵng.

**B.** Lượng mưa trung bình năm của Cần Thơ lớn hơn Đà Nẵng.

**C.** Thời gian mùa mưa ở Cần Thơ trùng với Đà Nẵng.

**D.** Mùa mưa ở Cần Thơ bắt đầu sớm hơn Đà Nẵng.

**Câu 21:** Mùa mưa ở Bắc Bộ thường sớm hơn Trung Bộ, chủ yếu do hoạt động của

**A.** gió phơn Tây Nam. **B.** Tín phong Đông Bắc.

**C.** gió mùa mùa đông. **D.** dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 22:** Đặc điểm thời tiết, khí hậu do gió mùa Tây Nam gây ra ở Tây Nguyên là

**A.** lạnh, ẩm. **B.** mưa nhiều. **C.** lạnh, khô. **D.** khô, nóng.

**Câu 23:** Phần lãnh thổ phía Bắc, số tháng lạnh giảm dần theo chiều Bắc - Nam là do gió mùa Đông Bắc suy yếu kết hợp với

**A.** bức chắn địa hình. **B.** địa hình thấp dần.

**C.** lãnh thổ hẹp ngang. **D.** thềm lục địa thu hẹp.

**Câu 24:** Ở nước ta, độ cao bắt đầu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc thấp hơn miền Nam là do

**A.** mùa hạ nóng nền nhiệt tăng cao. **B.** gió mùa Đông Nam gây mưa lớn.

**C.** gió phơn Tây Nam gây khô nóng. **D.** mùa đông lạnh nền nhiệt hạ thấp.

**Câu 25:** Địa hình phổ biến ở vùng núi đá vôi nước ta là

**A.** đồng bằng. **B.** khe rãnh. **C.** cacxtơ. **D.** hố trũng.

**Câu 26:** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ và lượng mưa theo tháng của trạm Hà Nội**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| Nhiệt độ  (0 C) | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 |
| Lượng mưa  (mm) | 18,6 | 26,2 | 43,8 | 90,1 | 188,5 | 239,9 | 288,2 | 318,0 | 265,4 | 130,7 | 43,4 | 23,4 |

Theo bảng số liệu trên, thì tổng lượng mưa trong năm và nhiệt độ trung bình năm của trạm Hà Nội lần lượt là

**A.** 1676,2 mm và 18,2 0 C. **B.** 1676,2 mm và 16,4 0 C.

**C.** 1676,2 mm và 28,9 0 C. **D.** 1676,2 mm và 23,5 0 C.

**Câu 27:** Mùa khô ở Tây Nguyên là do tác động của loại gió nào sau đây?

**A.** Tín phong bán cầu Bắc. **B.** Gió phơn Tây Nam.

**C.** Gió mùa Tây Nam. **D.** Gió mùa Đông Bắc.

**Câu 28:** Nhóm đất chủ yếu của đai nhiệt đới gió mùa chân núi ở nước ta là

**A.** đấtferalit. **B.** đấtphù sa cổ. **C.** đất mùn thô. **D.** đất phù sa sông.

**Câu 29:** Cảnh quan thiên nhiên chiếm ưu thế ở vùng đồi núi thấp của nước ta là

**A.** rừng ôn đới gió mùa. **B.** rừng cận nhiệt đới khô.

**C.** rừng nhiệt đới gió mùa. **D.** rừng nhiệt đới khô hạn.

**Câu 30:** Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính gây ra kiểu thời tiết mưa phùn ở đồng bằng Bắc Bộ nước ta?

**A.** gió mùa Đông Bắc. **B.** gió mùa Tây Nam.

**C.** Tín phong bán cầu Bắc. **D.** gió mùa mùa hạ.

----------- HẾT ----------

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **B** | **A** | **C** | **A** | **B** | **B** | **D** | **C** | **D** | **C** | **C** | **D** | **B** | **B** | **D** |
| **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
| **A** | **B** | **C** | **A** | **D** | **D** | **B** | **A** | **D** | **C** | **D** | **A** | **A** | **C** | **A** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TỈNH QUẢNG NAM**  ĐỀ CHÍNH THỨC    (*Đề gồm có 03 trang*) | **KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 12**  Thời gian: **45 phút** *(không kể thời gian giao đề)*     |  | | --- | | **MÃ ĐỀ 703** | |

*Họ, tên học sinh:............................................................... Lớp: .................... SBD: ........................*

**Câu 1:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào có lượng mưa trung bình tháng XI cao nhất trong các địa điểm sau đây?

**A.** Nha Trang. **B.** Cần Thơ.

**C.** TP. Hồ Chí Minh. **D.** Đà Lạt.

**Câu 2:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có titan?

**A.** Hải Phòng. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Ninh Bình. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 3:** Biện pháp mở rộng rừng sản xuất ở nước ta là

**A.** tăng xuất khẩu gỗ quý. **B.** tăng rừng đầu nguồn.

**C.** đẩy mạnh trồng mới. **D.** lập vườn quốc gia.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trạm thủy văn Hà Nội ở lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

**A.** Sông Ba. **B.** Sông Thu Bồn. **C.** Sông Đồng Nai. **D.** Sông Hồng.

**Câu 5:** Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở đồng bằng nước ta là

**A.** đào hố vẩy cá. **B.** bón phân thích hợp.

**C.** làm ruộng bậc thang. **D.** trồng cây theo băng.

**Câu 6:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp Lào?

**A.** Điện Biên. **B.** Lào Cai. **C.** Hà Giang. **D.** Lai Châu.

**Câu 7:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ?

**A.** Đồng Hới. **B.** Nha Trang. **C.** Thanh Hóa. **D.** Cần Thơ.

**Câu 8:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết nơi nào sau đây có vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển thế giới?

**A.** Phú Quốc. **B.** Bù Gia Mập. **C.** Cát Tiên. **D.** Núi Chúa.

**Câu 9:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết địa điểm nào sau đây nằm ở phía bắc cửa Tùng?

**A.** Cửa Tư Hiền. **B.** Cửa Thuận An. **C.** Cửa Gianh. **D.** Cửa Việt.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp Biển Đông?

**A.** Gia Lai. **B.** Bình Định. **C.** Kon Tum. **D.** Đắk Lắk.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

**A.** Pu Tha Ca. **B.** Pu Huổi Long. **C.** Tam Đảo. **D.** Kiều Liêu Ti.

**Câu 12:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đảo nào sau đây thuộc Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

**A.** Hòn Mắt. **B.** Hòn Mê. **C.** Cồn Cỏ. **D.** Bạch Long Vĩ.

**Câu 13:** Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu nên có

**A.** nền nhiệt độ cao. **B.** gió Tây ôn đới.

**C.** độ ẩm cao. **D.** lượng mưa lớn.

**Câu 14:** Biểu hiện tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa củaBiển Đông là

**A.** cónhiều dòng biển. **B.** độ mặn không lớn.

**C.** nền nhiệt ẩm cao. **D.** lạnh ẩm quanh năm.

**Câu 15:** Vị trí địa lí của nước ta

**A.** là trung tâm Châu Á. **B.** ởphía nam của châu Á.

**C.** gần trung tâm Đông Á. **D.** gần trung tâm Đông Nam Á.

**Câu 16:** Đồng bằng ven biển miền Trung nước ta có đặc điểm là

**A.** thềm lục địa nông. **B.** hẹp chiều Đông - Tây.

**C.** bờ biển khá thấp. **D.** chủ yếu đất phù sa.

**Câu 17:** Ở nước ta, sạt lở bờ biển thường phổ biến nhất ở vùng biển

**A.** Đông Bắc. **B.** Nam Bộ. **C.** Bắc Bộ. **D.** Trung Bộ.

**Câu 18:** Địa hình phổ biến ở vùng núi đá vôi nước ta là

**A.** hố trũng. **B.** cacxtơ. **C.** khe rãnh. **D.** đồng bằng.

**Câu 19:** Nhóm đất chủ yếu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở độ cao từ 600 -700m đến 1600 - 1700m ở nước ta là

**A.** đất phù sa sông. **B.** đất xám bạc màu.

**C.** đấtferalit có mùn. **D.** đất phù sa cổ.

**Câu 20:** Vùng núi nào sau đây ở nước ta có địa hình thấp và hẹp ngang, được nâng cao ở hai đầu?

**A.** Trường Sơn Nam. **B.** Đông Bắc.

**C.** Tây Bắc. **D.** Trường Sơn Bắc.

**Câu 21:** Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc, chủ yếu do địa hình nhiều đồi núi kết hợp với

**A.** độ ẩm cao. **B.** thảm thực vật. **C.** đất feralit. **D.** chế độ mưa.

**Câu 22:** Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính gây ra kiểu thời tiết mưa phùn ở đồng bằng Bắc Bộ nước ta?

**A.** Tín phong bán cầu Bắc. **B.** gió mùa Tây Nam.

**C.** gió mùa mùa hạ. **D.** gió mùa Đông Bắc.

**Câu 23:** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ và lượng mưa theo tháng của trạm Đà Nẵng**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| Nhiệt độ  (0 C) | 21,5 | 22,4 | 24,2 | 26,5 | 28,4 | 29,4 | 29,3 | 29,0 | 27,6 | 26,0 | 24,4 | 22,2 |
| Lượng mưa (mm) | 81,9 | 23,6 | 25,0 | 35,3 | 81,1 | 82,6 | 92,5 | 141,2 | 350,7 | 628,0 | 448,2 | 218,4 |

Theo bảng số liệu trên, thì tổng lượng mưa trong năm và nhiệt độ trung bình năm của trạm Đà Nẵng lần lượt là

**A.** 2208,5 mm và 22,2 0 C. **B.** 2208,5 mm và 22,2 0 C.

**C.** 2208,5 mm và 25,9 0 C. **D.** 2208,5 mm và 21,5 0 C.

**Câu 24:** Mùa khô ở Nam Bộ là do tác động của loại gió nào sau đây?

**A.** Tín phong bán cầu Bắc. **B.** Gió mùa Tây Nam.

**C.** Gió mùa Đông Bắc. **D.** Gió phơn Tây Nam.

**Câu 25:** Cảnh quan thiên nhiên chiếm ưu thế ở vùng đồi núi thấp của nước ta là

**A.** rừng nhiệt đới khô hạn. **B.** rừng nhiệt đới gió mùa.

**C.** rừng ôn đới gió mùa. **D.** rừng cận nhiệt đới khô.

**Câu 26:** Mùa mưa ở Bắc Bộ thường sớm hơn Trung Bộ, chủ yếu do hoạt động của

**A.** dải hội tụ nhiệt đới. **B.** gió phơn Tây Nam.

**C.** gió mùa mùa đông. **D.** Tín phong Đông Bắc.

**Câu 27:** Phần lãnh thổ phía Bắc, số tháng lạnh giảm dần theo chiều Bắc - Nam là do gió mùa Đông Bắc suy yếu kết hợp với

**A.** lãnh thổ hẹp ngang. **B.** bức chắn địa hình.

**C.** địa hình thấp dần. **D.** thềm lục địa thu hẹp.

**Câu 28:** Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa trung bình tháng (mm) của trạm Đà Nẵng và Cần Thơ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| Đà Nẵng | 81,9 | 23,6 | 25,0 | 35,3 | 81,1 | 82,6 | 92,5 | 141,2 | 350,7 | 628,0 | 448,2 | 218,4 |
| Cần Thơ | 10,0 | 3,8 | 15,4 | 41,8 | 181,0 | 209,7 | 236,0 | 237,9 | 251,4 | 300,9 | 137,1 | 41,5 |

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh chế độ mưa giữa trạm Cần Thơ với trạm Đà Nẵng?

**A.** Thời gian mùa mưa ở Cần Thơ dài hơn Đà Nẵng.

**B.** Lượng mưa trung bình năm của Cần Thơ lớn hơn Đà Nẵng.

**C.** Mùa mưa ở Cần Thơ bắt đầu muộn hơn Đà Nẵng.

**D.** Thời gian mùa mưa ở Cần Thơ ngắn hơn Đà Nẵng.

**Câu 29:** Đặc điểm thời tiết, khí hậu vào đầu mùa hạ do gió Tây Nam gây ra ở Đông Trường Sơn là

**A.** khô, nóng. **B.** lạnh, khô. **C.** mưa nhiều. **D.** lạnh, ẩm.

**Câu 30:** Ở nước ta, độ cao của đai nhiệt đới gió mùa chân núi ở miền Nam cao hơn miền Bắc là do

**A.** miền Nam giáp biển nhiều hơn. **B.** nhiệt độ trung bình năm cao hơn.

**C.** địa hình thấp và bằng phẳng hơn. **D.** gió phơn Tây Nam mạnh hơn.

----------- HẾT ----------

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **B** | **A** | **C** | **C** | **C** | **B** | **B** | **D** | **A** | **C** | **D** |
| **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
| **B** | **D** | **B** | **C** | **D** | **D** | **D** | **C** | **A** | **B** | **A** | **B** | **A** | **A** | **B** |